TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-PT
Ngày 11-11-2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, yêu cầu tháo dỡ di chuyển tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Ông Hồ Đức Châm

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, yêu cầu tháo dỡ di chuyển tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Thông báo chuyển ngày xét xử số 26/2019/TB-TA ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn G; cư trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M; cùng cư trú tại: Xóm L, thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị P; cư trú tại: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Bà Vy Thị Đ; cư trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

3. Anh Hà Minh H;

4. Anh Hà Duy H;

Cùng cư trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Hà Minh H và anh Hà Duy H: Ông Hà Văn G; cư trú tại: Phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019); có mặt.

5. Ông Hà Văn C; cư trú tại: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Chị Sầm Diệu Q; cư trú tại: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng T, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn (đại diện theo văn bản ủy quyền số 70/UQ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V); có mặt.

8. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hà Văn G với ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M tranh chấp với nhau là 547,1m^2 đất thuộc một phần thửa đất 288, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01 xã X và một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 37, bản đồ đại chính xã X, có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đường đất;

- Phía Tây giáp Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe M;

- Phía Bắc giáp đất rừng ông Hà Văn G;

- Phía Nam giáp đường đất và Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe M.

Nguyên đơn là ông Hà Văn G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp với ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M là đất rừng có tên gọi NK thuộc thôn B, xã X, huyện V do bố mẹ ông khai phá, canh tác từ năm 1967 đến nay. Năm 1996 ông Hà Văn C (em trai ông Hà Văn G) quản lý, sử dụng; từ năm 2000 đến nay, ông Hà Văn G trực tiếp quản lý sử dụng; ông Hà Văn G đã trồng hồi theo dự án Pam và đã kê khai, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 đối

với thửa số 304 diện tích 5.375m^2. Tháng 01 năm 2018, ông Hà Văn G phát hiện có 06 cây hồi đã bị chặt, sau đó mấy ngày thì thấy trên diện tích đất của ông đang canh tác bị đóng cọc tre. Qua tìm hiểu ông được biết ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M là người đã chặt cây hồi và đóng cọc tre trên đất của gia đình ông. Ông Hà Văn G đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để được giải quyết nhưng kết quả hòa giải không thành. Vì vậy, ông Hà Văn G khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết công nhận ông được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất; buộc ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M tháo dỡ toàn bộ cọc tre trên đất tranh chấp, bồi thường cho ông trị giá 06 cây hồi đã bị chặt và thu nhập bị mất do không thu hoạch được hoa hồi; ngày 12 tháng 5 năm 2019 ông Hà Văn G có đơn xin rút một phần cầu khởi kiện cụ thể ông Hà Văn G rút yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản và tại phiên tòa sơ thẩm ông Hà Văn G giữ nguyên ý kiến này.

Bị đơn là ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông cha để lại, trong đó có một phần là đất ruộng. Năm 1996 gia đình ông Sầm Văn T cải tạo con đường nên mới cắt thửa ruộng làm thành 02 nửa, 01 nửa nằm trong khu ruộng đang canh tác, nửa còn lại ở phía bên kia đường giáp đất rừng của ông Hà Văn G, do chưa có điều kiện canh tác nên bỏ không. Năm 1995 gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp, đến năm 2010 thực hiện cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông bà không biết đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên hay chưa. Năm 2017, có doanh nghiệp đến hỏi mua đất, nhưng do ông Sầm Văn T đã thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nói trên cho ông Hà Văn G mà đến nay ông Hà Văn G vẫn chưa thanh toán tiền nên ông Sầm Văn T đã gặp và yêu cầu ông Hà Văn G trả tiền hoặc trả lại đất nhưng ông Hà Văn G không đồng ý nên mới xảy ra tranh chấp. Bà Hoàng Thị M đã lấy cọc tre cắm trên diện tích đất đang tranh chấp nhưng gia đình ông bà không được chặt cây hồi của ông Hà Văn G và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ các Điều 202, 203 của Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G, ông Hà Văn G được quản lý, sử dụng diện tích 445,1m^2 nằm trong tổng diện tích 547,1m^2 đất tại thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp được thể hiện trên sơ đồ trích đo địa chính kèm theo).

2. Ông Hà Văn G được quản lý, sử dụng các cây trồng trên đất gồm 04

(bốn) cây hồi có đường kính gốc từ 09cm - 20cm và 01 (một) bụi tre gai.

3. Ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ hàng rào bằng cọc tre ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

4. Ông Hà Văn G được quyền quản lý, sử dụng 102m^2 đất và có trách nhiệm thanh toán cho ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 102m^2 là 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và yêu cầu ông Hà Văn G di dời các cây ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Hà Văn G.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Hà Văn G phải chịu 6.500.000 đồng. Xác nhận ông Hà Văn G đã nộp số tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.000.000 đồng. Buộc ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M phải nộp 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn) để hoàn trả cho ông Hà Văn G.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, bị đơn là ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M có đơn kháng kháo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bị đơn được sử dụng diện tích đất tranh chấp và buộc ông Hà Văn G phải di dời cây hồi ra khỏi đất tranh chấp.

Tại Quyết định kháng nghị số 49/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm vì Bản án dân sự sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và có vi phạm trong đánh giá chứng cứ nên không xác định được diện tích tranh chấp thuộc thửa đất nào, tờ bản đồ nào; xác định thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo với lý do: Nguồn gốc đất là của ông cha để lại nhưng do gia đình neo người nên từ năm 1996 - 1997 đến nay gia đình ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M để cho ông Hà Văn G canh tác trên đất tranh chấp; do ông Hà Văn G hứa trả tiền mua đất nhưng không thực

hiện nên ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M yêu cầu ông Hà Văn G di chuyển cây hồi đi nơi khác và trả lại đất cho gia đình ông Sầm Văn T.

Ông Hà Văn G không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án buộc ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M chấm dứt hành vi tranh chấp đất với ông. Ngoài ra ông Hà Văn G còn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông Hà Văn G rút yêu cầu đòi quyền quản lý sử dụng 32m^2 đất thuộc thửa đất số 66 tờ bản đồ số 37 bản đồ địa chính xã X; ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã X trình bày: Trong tổng số diện tích đất tranh chấp giữa ông Hà Văn G với ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M có 32m^2 đất thuộc thửa đất số 66 tờ bản đồ địa chính số 37 xã X, là đất giao thông nên không đủ điện kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình đối với phần diện tích đất này. Ủy ban nhân dân xã X chưa bao giờ đứng tên quy chủ đối diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Hà Văn G với ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M, không đứng tên trên hồ sơ địa chính đối với thửa đất có diện tích 195.897m^2 và thực tế trên địa bàn xã X, huyện Văn Quan không có thửa đất nào có diện tích như thế, đây có thể do lỗi kỹ thuật khi xây dựng bản đồ tại xã X, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 của xã X, huyện Văn Quan được lập năm 2009 trên cơ sở đo đạc và thể hiện chi tiết, hiện trạng các thửa đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng; bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã X, huyện V được lập năm 2011 trên cơ sở đo đạc và thể hiện chi tiết các thửa đất lâm nghiệp; do kỹ thuật đo vẽ khi lập bản đồ đã dẫn đến không có sự trùng khớp về ranh giới, tạo khoảng trống giữa 02 loại bản đồ nói trên. Tại công văn số 926/UBND-TNMT, ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện V có nội dung: Diện tích 445,1m^2 trong tổng số 547,1m^2 đất tranh chấp chưa được đo đạc thể hiện trên bản đồ, chưa có trong hồ sơ địa chính xã X; nhưng thực tế, trong tổng 547,1m^2 đất tranh chấp có 32m^2 là đất giao thông thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 37, bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 xã X; còn 515,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 288 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã X đã được ông Hà Văn G quản lý và trồng hồi trên đó và có một phần tiếp giáp liền kề với lô 304 mà ông Hà Văn G đang quản lý sử dụng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả giám định chồng ghép bản đồ cho thấy, trong tổng diện tích đất tranh chấp nói trên có 102m^2 đất thuộc một phần các thửa đất 30, 31, 32, 33 của tờ bản đồ số 16 giải thửa 299, là đất trồng lúa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Sầm Văn T vào năm 1995; khi tiến hành đo đạc bản đồ địa chính vào năm 2009 thì những thửa đất nói trên đã có biến động bờ thửa và mục đích sử dụng nên 102m^2 đất thuộc một phần các thửa đất 30, 31, 32, 33 của tờ bản đồ giải thửa 299 số 16 không còn thể hiện trên bản đồ địa chính nữa và thực tế gia đình ông Sầm Văn T không quản lý sử dụng, không kê khai cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M: Ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M đều khẳng định từ năm 1995 đã cải tạo đường đi nên con đường (đường đất) đã cắt ngang qua các thửa ruộng 30, 31, 32, 33 thuộc tờ bản đồ số 16, bản đồ giải thửa 299 xã X và cũng từ đó gia đình ông bà không canh tác sử dụng diện tích đất này; ngoài ra, ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M cho rằng, năm 2008 ông Hà Văn G và ông Sầm Văn T đã thỏa thuận chuyển nhượng đối với diện tích đất tranh chấp nhưng đến nay ông Hà Văn G chưa thanh toán tiền nên ông bà đòi lại đất nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh. Vì vậy, không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Về kháng nghị: Quyết định Kháng nghị số 49/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng như công nhận quyền quản lý sử dụng của ông Hà Văn G đối với cả phần diện tích đất giao thông, không đưa Ủy ban nhân dân xã X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chưa thu thập đầy đủ thông tin địa chính về vị trí đất tranh chấp nên phần quyết định của bản án không tuyên diện tích đất mà ông Hà Văn G được quản lý, sử dụng thuộc số thửa, tờ bản đồ nào. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được những vi phạm nói trên nên không cần thiết phải hủy toàn bộ bản án để giải quyết lại; đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần và đình chỉ xét xử đối với yêu phần cầu khởi kiện mà ông Hà Văn G đã rút, bổ sung đầy đủ thông tin địa chính về thửa đất mà ông Hà Văn G được quyền quản lý sử dụng; đề nghị ghi đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp tại phần trích yếu của bản án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị Máy, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo hướng như đã phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hà Minh H, anh Hà Huy H đều vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông Hà Văn G; chị Sầm Diệu Q vắng mặt nhưng xét thấy bản án sơ thẩm có kháng cáo của ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M, quyền lợi của chị Sầm Diệu Q với ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M không đối lập nhau. Vì vậy, việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên không ảnh

hưởng đến việc xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả mảnh trích đo địa chính bổ sung của Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xác định diện tích đất tranh chấp giữa ông Hà Văn G với ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M là 547,1m^2; trong đó có 32m^2 đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 37 bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1.000 xã X, là đất giao thông; diện tích đất còn lại là 515,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Xét kháng cáo của ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp bằng phương pháp đo máy và thực hiện giám định chồng ghép bản đồ theo quy định của pháp luật nên xét thấy việc bị đơn yêu cầu xem xét thực địa lại là không cần thiết và không có căn cứ. Theo kết quả giám định tư pháp cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho thấy: Trong tổng diện tích đất tranh chấp là 547,1m^2 có 102m^2 đất thuộc một phần các thửa đất 30, 31, 32, 33 thuộc tờ bản đồ số 16, bản đồ giải thửa 299 xã X, là đất trồng lúa, đã được Ủy ban dân dân huyện Văn Quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Sầm Văn T vào năm 1995; đối với phần diện tích đất còn lại không có ai đứng tên trong hồ sơ địa chính. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M đều thừa nhận khoảng năm 1995 - 1996 gia đình ông Sầm Văn T cải tạo lại con đường nên đã chia các thửa ruộng nói trên thành 02 phần và từ đó gia đình ông Sầm Văn T không quản lý, sử dụng, canh tác đối với phần diện tích đất phía bên kia đường (chính là phần đất hiện nay đang tranh chấp). Bên cạnh đó, ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Sầm Văn T và ông Hà Văn G đối với diện tích đất tranh chấp cũng như việc ông Hà Văn G chưa thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Mặt khác, ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M thừa nhận toàn bộ cây trồng hiện có trên đất là của ông Hà Văn G, trong đó có cây hồi nằm trên phần diện tích đất ruộng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M vào năm 1995 nói trên, khi thực hiện việc kê khai cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông bà không kê khai đến phần diện tích đất này. Do đó, có căn cứ để xác định ông Hà Văn G là người quản lý, sử dụng, canh tác ổn định trên diện tích đất đang tranh chấp; điều này được ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M thừa nhận tại phiên tòa "từ năm 1996 - 1997 ông Hà Văn G trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp". Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp để công nhận quyền quản lý, sử dụng của ông Hà Văn G đối với diện tích đất tranh chấp và buộc ông Hà Văn G có trách nhiệm thanh toán trị giá 102m^2 đất thuộc một phần các thửa đất 30, 31, 32, 33 thuộc tờ bản đồ số 16, bản đồ giải thửa 299 xã X cho ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định là hợp tình, hợp lý.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M.

[4] Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập Ủy ban nhân dân xã X, huyện V và Ủy ban nhân dân huyện V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ủy ban đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về việc không được tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm. Qua kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã xác định được thông tin địa chính (số thửa, số bản đồ) đối với phần diện tích đất tranh chấp; xác định được toàn bộ cây trồng hiện có trên đất tranh chấp là của nguyên đơn ông Hà Văn G và vị trí những cọc tre mà ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M tạo dựng nằm ở cạnh DGHIKMP thể hiện trên mảnh trích đo bổ sung ngày 08 tháng 11 năm 2019. Mặt khác, ông Hà Văn G đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đòi quyền quản lý sử dụng đối với 32m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 37, bản đồ địa chính xã X, mục đích sử dụng là đất giao thông; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G được các đương sự khác đồng ý. Vì vậy, những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại Tòa án cấp phúc thẩm nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy một phần và đình chỉ xét xử đối với yêu phần cầu khởi kiện mà ông Hà Văn G đã rút, bổ sung đầy đủ thông tin địa chính về thửa đất mà ông Hà Văn G được quyền quản lý sử dụng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với thiếu sót trong việc ghi quan hệ pháp luật tranh chấp tại phần trích yếu của bản án sơ thẩm là không nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo là ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, biểm b khoản 1 Điều 299, khoản 2 Điều 309, Điều 311, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 202, 203 của Luật Đất đai; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Hà Văn G về việc yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đối với 32m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 37, bản đồ địa chính xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

(Kích thước các cạnh được thể hiện bởi hình vẽ nối các điểm TOQPXT trên mảnh trích đo bổ sung đề ngày 08/11/2019 kèm theo).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn G:

2.1 Ông Hà Văn G được quản lý, sử dụng 515,1m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 288 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã X; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; khu đất được sơ họa bằng hình vẽ nối các điểm DGHIKMPQOTUABCD, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đường đất;

- Phía Tây giáp Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe M;

- Phía Bắc giáp đất rừng ông Hà Văn G;

- Phía Nam giáp đường đất và Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe M.

(Kích thước các cạnh được thể hiện trên mảnh trích bổ sung ngày 08/11/2019 kèm theo).

2.2 Ông Hà Văn G được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu các cây trồng trên diện tích đất nói trên gồm 04 (bốn) cây hồi và 01 (một) bụi tre gai.

2.3 Ông Hà Văn G có trách nhiệm thanh toán cho ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M trị giá quyền sử dụng đất đối với diện tích 102m^2 đất, với số tiền là 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng.

3. Buộc ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Hà Văn G về diện tích đất nói trên và có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển toàn bộ cọc tre ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của ông Hà Văn G về việc yêu cầu ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M bồi thường thiệt hại về tài sản là trị giá 06 cây hồi bị chặt.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Hà Văn G phải chịu 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng; ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M phải chịu 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Buộc ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M phải hoàn trả cho ông Hà Văn G 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà ông Hà Văn G đã chi trả.

6. Về nghĩa vụ chậm trả:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Về nghĩa vụ chịu án phí:

7.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Văn G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước; số tiền trên được trừ vào số tiền 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Hà Văn G đã nộp, theo biên lai số AA/2012/03880 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn; hoàn trả lại ông Hà Văn G 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Sầm Văn T và bà Hoàng Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

7.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Sầm Văn T, bà Hoàng Thị M mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/03816 ngày 01 tháng 10 năm 2019 và biên lai số AA/2012/03819 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; KTNV&THA;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS huyện V, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự, TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Thùy